

Số: /QĐ-SCT

Gia Lai, ngày tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự toán: Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024**

**GIÁM ĐỐC SỞ CÔNG THƯƠNG**

*Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định 24/2024/NĐ-CP ngày 27 tháng 2 năm 2024 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;*

*Căn cứ Thông tư 11/2021/TT-BXD ngày 31 tháng 8 năm 2021 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;*

*Căn cứ Thông tư số 06/2024/TT-BKHĐT ngày 26 tháng 4 năm 2024 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin lựa chọn nhà thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;*

*Căn cứ Kế hoạch số 756/KH-UBND ngày 08 tháng 4 năm 2022 của UBND tỉnh Gia Lai về thực hiện Quyết định số 1968/QĐ-TTg ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại giai đoạn 2021 - 2030 trên địa bàn tỉnh Gia Lai và kế hoạch khung giai đoạn 2022 - 2025;*

*Căn cứ Quyết định số 765/QĐ-UBND ngày 18 tháng 12 năm 2023 của UBND tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị dự toán cấp tỉnh;*

*Căn cứ Công bố 40/SXD-QLXD ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai về việc Công bố đơn giá nhân công xây dựng; giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Quyết định số 220/QĐ-SCT ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị sử dụng ngân sách trực thuộc Sở Công Thương;*

*Căn cứ Kế hoạch số 38/KH-SCT ngày 15 tháng 4 năm 2024 của Sở Công Thương, thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024;*

*Căn cứ Quyết định số 65/QĐ-SCT ngày 14 tháng 6 năm 2024 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai về việc phê duyệt kinh phí thực hiện Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024;*

*Trên cơ sở đề nghị của Văn phòng Sở tại Tờ trình số 01/TTr-VP ngày 24 tháng 7 năm 2024; Báo cáo thẩm định ngày 25 tháng 7 năm 2024 Tổ thẩm định*

về việc Báo cáo thẩm định Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán: Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Dự toán và Kế hoạch lựa chọn nhà thầu thực hiện dự toán: Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024 với các nội dung như sau:

**1. Phê duyệt dự toán:**

1.1. Tên dự toán: Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024.

1.2. Chủ đầu tư: Sở Công Thương tỉnh Gia Lai.

1.3. Địa điểm thực hiện: Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

1.4. Đơn vị lập dự toán: Văn phòng Sở.

1.5. Hình thức quản lý: Chủ đầu tư trực tiếp thực hiện dự toán.

1.6. Tổng dự toán: **187.000.000** đồng. (Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn).

Trong đó:

- Chi phí Cung cấp dịch vụ: 175.506.000 đồng.

- Chi phí Tư vấn: 11.494.000 đồng.

1.7. Nguồn vốn: Ngân sách tỉnh.

1.8. Thời gian thực hiện: Quý III năm 2024.

1.9. Mục đích thực hiện: Nhằm đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại nhằm mục tiêu nâng cao chất lượng và hiệu quả trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh. Tổ chức hỗ trợ xúc tiến thương mại và doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ kinh doanh trên cơ sở hình thành, phát triển Hệ sinh thái xúc tiến thương mại số; nâng cao nhận thức và năng lực về ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại, thúc đẩy phát triển ngoại thương và thương mại trong nước, góp phần tái cơ cấu ngành công thương.

1.10. Nội dung thực hiện và các thông số kỹ thuật chủ yếu:

- Nội dung thực hiện:

+ Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự cần thiết đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai.

+ Tổ chức lễ ra mắt tuyên phổ thanh toán không tiền mặt tỉnh Gia Lai bao gồm: Khảo sát và xây dựng dữ liệu phục vụ quảng bá chương trình Tuyên phổ không tiền mặt; Thực hiện truyền thông về chương trình Tuyên phổ không tiền mặt; Tổ chức giới thiệu và ra mắt tuyên phổ không tiền mặt.

+ Thời gian thực hiện: Quý III năm 2024.

+ Địa điểm thực hiện: Thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai.

- Các thông số kỹ thuật chủ yếu: Theo dự toán chi tiết đính kèm.

**2. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu:**

2.1. Phần công việc đã thực hiện: 0 đồng.

2.2. Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: 0 đồng.

2.3. Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 0 đồng.

2.4. Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

**Điều 2.** Giao Văn phòng Sở và Trưởng các phòng, đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức lựa chọn nhà thầu theo kế hoạch lựa chọn nhà thầu được phê duyệt, đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Sở, Trưởng các phòng, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

***Nơi nhận:***

- Như Điều 3;
- Giám đốc, các Phó Giám đốc Sở;
- Lưu VT, VP, QLTM.

**GIÁM ĐỐC**

**Phạm Văn Bình**

**PHỤ LỤC 01**  
**BIỂU KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU**

**Dự toán: Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số        /QĐ-SCT ngày        tháng 7 năm 2024 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai)

| Stt | Tên chủ đầu tư              | Tên gói thầu |                                                           | Giá gói thầu (đồng) | Nguồn vốn      | Hình thức lựa chọn nhà thầu | Phương thức lựa chọn nhà thầu | Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu | Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu | Loại hợp đồng | Thời gian thực hiện gói thầu                         | Tùy chọn mua thêm | Giám sát hoạt động đấu thầu |
|-----|-----------------------------|--------------|-----------------------------------------------------------|---------------------|----------------|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------------|---------------------------------------------|---------------|------------------------------------------------------|-------------------|-----------------------------|
|     |                             | Tên gói thầu | Tóm tắt công việc chính của gói thầu                      |                     |                |                             |                               |                                     |                                             |               |                                                      |                   |                             |
| 1   | Sở Công thương tỉnh Gia Lai | 01.TV        | Tư vấn lập HSMT và đánh giá HSDT gói thầu 04.PTV          | 5.747.000           | Ngân sách tỉnh | Chỉ định thầu rút gọn       | Không có                      | 07 ngày                             | Quý III năm 2024                            | Trọn gói      | 10 ngày (03 ngày lập E-HSMT và 07 đánh giá E-HSDT)   | Không             | Không đề xuất               |
| 2   |                             | 02.TV        | Tư vấn thẩm định HSMT và thẩm định KQLCNT gói thầu 04.PTV | 5.747.000           |                | Chỉ định thầu rút gọn       | Không có                      | 07 ngày                             | Quý III năm 2024                            | Trọn gói      | 10 ngày (03 thẩm định E-HSMT và 07 thẩm định KQLCNT) | Không             | Không đề xuất               |
| 3   |                             | 03.PTV       | Tuyên truyền, nâng cao nhận                               | 35.000.000          |                | Chỉ định thầu rút           | Không có                      | 07 ngày                             | Quý III năm                                 | Trọn gói      | 10 ngày                                              | Không             | Không đề xuất               |

|                          |  |        |                                                                                                     |                    |  |                                            |                             |         |                  |          |         |       |               |
|--------------------------|--|--------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------|--|--------------------------------------------|-----------------------------|---------|------------------|----------|---------|-------|---------------|
|                          |  |        | thức về sự cần thiết đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai |                    |  | gọn                                        |                             |         | 2024             |          |         |       |               |
| 4                        |  | 04.PTV | Tổ chức lễ ra mắt tuyên phổ thanh toán không tiền mặt tỉnh Gia Lai                                  | 140.506.000        |  | Chào hàng cạnh tranh thông thường qua mạng | Một giai đoạn một túi hồ sơ | 24 ngày | Quý III năm 2024 | Trọn gói | 10 ngày | Không | Không đề xuất |
| <b>Tổng giá gói thầu</b> |  |        |                                                                                                     | <b>187.000.000</b> |  |                                            |                             |         |                  |          |         |       |               |

*Ghi chú: Mức giá trên đã bao gồm các loại thuế, phí, lệ phí theo quy định của nhà nước, chi phí vận chuyển, bảo quản theo yêu cầu của Chủ đầu tư.*

**PHỤ LỤC 02**  
**BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN**

**Dự toán: Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh Gia Lai năm 2024**

(Ban hành kèm theo Quyết định số        /QĐ-SCT ngày        tháng 7 năm 2024 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai)

| Số TT     | Nội dung chi phí                                                                                                                        | Diễn giải                     | Thành tiền trước thuế | Thuế VAT          | Thành tiền sau thuế |
|-----------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|-----------------------|-------------------|---------------------|
| <b>I</b>  | <b>Chi phí Cung cấp dịch vụ (<math>G_{DV}</math>)</b>                                                                                   | $G_{DV} = G_{DV1} + G_{DV2}$  | <b>162.505.556</b>    | <b>13.000.444</b> | <b>175.506.000</b>  |
| 1         | Chi phí Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự cần thiết đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai | $G_{DV1}$ = Theo báo giá      | 32.407.407            | 2.592.593         | 35.000.000          |
| 2         | Chi phí Tổ chức lễ ra mắt tuyến phố thanh toán không tiền mặt tỉnh Gia Lai                                                              | $G_{DV2}$ = Theo báo giá      | 130.098.148           | 10.407.852        | 140.506.000         |
| <b>II</b> | <b>Chi phí tư vấn (<math>G_{TV}</math>)</b>                                                                                             | $G_{TV} = G_{TV1} + G_{TV2}$  | <b>10.642.593</b>     | <b>851.407</b>    | <b>11.494.000</b>   |
| 1         | Chi phí Tư vấn lập hồ sơ mời thầu và đánh giá hồ sơ dự thầu                                                                             | $G_{TV1}$ = Theo bảng dự toán | 5.321.296             | 425.704           | 5.747.000           |
| 2         | Chi phí Tư vấn thẩm định hồ sơ mời thầu và thẩm định kết quả lựa chọn nhà thầu                                                          | $G_{TV2}$ = Theo bảng dự toán | 5.321.296             | 425.704           | 5.747.000           |
|           | <b>Tổng cộng chi phí</b>                                                                                                                | <b>(I+II)</b>                 | <b>173.148.148</b>    | <b>13.851.852</b> | <b>187.000.000</b>  |

*Bằng chữ: Một trăm tám mươi bảy triệu đồng chẵn*

## BẢNG DỰ TOÁN CHI TIẾT

Dự toán: Đề án đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong hoạt động xúc tiến thương mại trên địa bàn tỉnh  
Gia Lai năm 2024

(Ban hành kèm theo Quyết định số       /QĐ-SCT ngày        tháng 7 năm 2024 của Sở Công thương tỉnh Gia Lai)

| STT | Nội dung công việc                                                                                                                                                                        | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn giá    | Thành tiền  |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|------------|-------------|
| I   | Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sự cần thiết đẩy mạnh ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong xúc tiến thương mại tỉnh Gia Lai                                                           |                |             |            | 35.000.000  |
| II  | Tổ chức lễ ra mắt tuyến phố thanh toán không tiền mặt tỉnh Gia Lai                                                                                                                        |                |             |            | 140.506.000 |
| 1   | Chi phí thực hiện mời gọi doanh nghiệp/cá nhân/ tổ chức trên tuyến phố tham gia ứng dụng giải pháp không tiền mặt trong kinh doanh, truyền thông về chương trình Tuyến phố không tiền mặt |                |             |            | 52.000.000  |
| 1.1 | Thực hiện mời gọi doanh nghiệp/cá nhân/ tổ chức trên tuyến phố được lựa chọn tham gia ứng dụng các giải pháp không tiền mặt trong kinh doanh                                              | Gói            | 1           | 12.000.000 | 12.000.000  |
| 1.2 | Truyền thông chương trình trên mạng xã hội (facebook/tiktok), trang thông tin giới thiệu chương trình, chụp hình ảnh trong lúc diễn ra chương trình                                       | Gói            | 1           | 18.000.000 | 18.000.000  |
| 1.3 | Thiết kế và in ấn phướn treo trên các tuyến đường phố (bao gồm công treo. Phí vận chuyển)                                                                                                 | Cái            | 50          | 300.000    | 15.000.000  |
| 1.4 | Băng rôn treo trên các tuyến đường (công treo, tháo gỡ, phí vận chuyển)                                                                                                                   | Tám            | 10          | 700.000    | 7.000.000   |
| 2   | Tổ chức giới thiệu và ra mắt tuyến phố không tiền mặt                                                                                                                                     |                |             |            | 88.506.000  |
| 2.1 | Sân khấu khai mạc ngoài trời (5m x 8m)                                                                                                                                                    | m2             | 40          | 200.000    | 8.000.000   |
| 2.2 | Màn hình LED (3m x 7m)<br>(01 ngày, 1 đêm)                                                                                                                                                | m2             | 21          | 1.500.000  | 31.500.000  |
| 2.3 | Thảm đỏ khu vực khai mạc, sân khấu, đại biểu (thảm màu xanh hoặc đỏ)                                                                                                                      | m2             | 190         | 40.000     | 7.600.000   |
| 2.4 | Thiết kế, in ấn và lắp đặt standee                                                                                                                                                        | Tám            | 5           | 450.000    | 2.250.000   |
| 2.5 | Thuê MC dẫn chương trình (01 buổi)                                                                                                                                                        | Người          | 1           | 1.500.000  | 1.500.000   |
| 2.6 | Thiết bị âm thanh, ánh sáng                                                                                                                                                               | Gói            | 1           | 9.000.000  | 9.000.000   |
| 2.7 | Thuê pháo sáng, kim tuyến                                                                                                                                                                 | Gói            | 1           | 2.000.000  | 2.000.000   |

| STT  | Nội dung công việc                                                                                             | Đơn vị<br>tính | Số<br>lượng | Đơn giá   | Thành tiền         |
|------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------|-------------|-----------|--------------------|
| 2.8  | Thiết kế visual led bấm nút lễ khai mạc chương trình                                                           | Gói            | 1           | 3.500.000 | 3.500.000          |
| 2.9  | Thuê ghế cho đại biểu tham dự chương trình                                                                     | cái            | 100         | 35.000    | 3.500.000          |
| 2.10 | Thuê đường truyền internet phục vụ chương trình                                                                | Gói            | 1           | 5.000.000 | 5.000.000          |
| 2.11 | Thuê bàn đại biểu                                                                                              | cái            | 12          | 100.000   | 1.200.000          |
| 2.12 | Thiết kế và in ấn Backdrop 3D phục vụ checkin trong chương trình (3m x 2m), có pallet, thảm trải, đèn hắt sáng | Gói            | 1           | 5.000.000 | 5.000.000          |
| 2.13 | Hoa tươi trang trí                                                                                             | Bát            | 6           | 276.000   | 1.656.000          |
| 2.14 | Chi nước uống (01 buổi)                                                                                        | Người          | 100         | 20.000    | 2.000.000          |
| 2.15 | Thuê bục phát biểu Hội nghị (01 ngày)                                                                          | cái            | 1           | 800.000   | 800.000            |
| 2.16 | Thuê cổng hơi chào mừng (15m)                                                                                  | Gói            | 1           | 4.000.000 | 4.000.000          |
|      | <b>Tổng cộng</b>                                                                                               |                |             |           | <b>175.506.000</b> |

Bằng chữ: Một trăm bảy mươi lăm triệu, năm trăm lẻ sáu ngàn đồng chẵn

| <b>BẢNG 1A</b><br><b>BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ TƯ VẤN LẬP HSMT VÀ ĐÁNH GIÁ HSĐT</b> |                               |                  |                    |
|-----------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|--------------------|
| Stt                                                                                     | Nội dung chi phí              | Giá trị (đồng)   | Cách tính          |
| 1                                                                                       | Chi phí chuyên gia            | 2.630.000        | Bảng 1B            |
| 2                                                                                       | Chi phí quản lý               | 1.446.500        | 55%*(1)            |
| 3                                                                                       | Chi phí khác                  | 1.000.000        | Bảng 1C            |
| 4                                                                                       | Thu nhập chịu thuế tính trước | 244.590          | (1+2)*6%           |
| 5                                                                                       | Thuế giá trị gia tăng         | 425.687          | (1+2+3+4)*8%       |
|                                                                                         | <b>Tổng cộng</b>              | <b>5.746.777</b> | <b>(1+2+3+4+5)</b> |
|                                                                                         | <b>Làm tròn</b>               | <b>5.747.000</b> |                    |

| <b>BẢNG 1B</b><br><b>BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN LẬP HSMT VÀ ĐÁNH GIÁ HSĐT</b> |                  |          |                            |                          |                  |                                                                                       |
|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------|----------------------------|--------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Stt                                                                               | Chuyên gia       | Số lượng | Thời gian thực hiện (Ngày) | Chi phí chuyên gia/ Ngày | Thành tiền       | Ghi chú                                                                               |
| A                                                                                 | B                | 1        | 2                          | 3                        | 4=1*2*3          | 5                                                                                     |
| 1                                                                                 | Tổ trưởng        | 1        | 5                          | 263.000                  | 1.315.000        | Kỹ sư trực tiếp theo Công bố 40/SXD-QLXD ngày 10/01/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai |
| 2                                                                                 | Thành viên       | 1        | 5                          | 263.000                  | 1.315.000        | Kỹ sư trực tiếp theo Công bố 40/SXD-QLXD ngày 10/01/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai |
|                                                                                   | <b>Tổng cộng</b> |          |                            |                          | <b>2.630.000</b> |                                                                                       |

| <b>BẢNG 1C</b><br><b>CHI TIẾT CHI PHÍ KHÁC</b> |                                                |             |            |           |                  |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------|------------|-----------|------------------|
| Stt                                            | Khoản mục chi phí                              | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá   | Thành tiền       |
| 1                                              | Chi phí văn phòng phẩm, in ấn + chi phí đi lại | gói         | 1          | 1.000.000 | 1.000.000        |
|                                                | <b>Tổng cộng</b>                               |             |            |           | <b>1.000.000</b> |

| <b>BẢNG 2A</b><br><b>BẢNG TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI PHÍ TƯ VẤN THẨM ĐỊNH HSMT VÀ THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b> |                               |                  |                    |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|------------------|--------------------|
| Stt                                                                                                                 | Nội dung chi phí              | Giá trị (đồng)   | Ghi chú            |
| 1                                                                                                                   | Chi phí chuyên gia            | 2.630.000        | Bảng 1B            |
| 2                                                                                                                   | Chi phí quản lý               | 1.446.500        | 55%*(1)            |
| 3                                                                                                                   | Chi phí khác                  | 1.000.000        | Bảng 1C            |
| 4                                                                                                                   | Thu nhập chịu thuế tính trước | 244.590          | (1+2)*6%           |
| 5                                                                                                                   | Thuế giá trị gia tăng         | 425.687          | (1+2+3+4)*8%       |
|                                                                                                                     | <b>Tổng cộng</b>              | <b>5.746.777</b> | <b>(1+2+3+4+5)</b> |
|                                                                                                                     | <b>Làm tròn</b>               | <b>5.747.000</b> |                    |

| <b>BẢNG 2B</b><br><b>BẢNG DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN THẨM ĐỊNH HSMT VÀ THẨM ĐỊNH KẾT QUẢ LỰA CHỌN NHÀ THẦU</b> |                  |          |                            |                          |                  |                                                                                       |
|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------|----------|----------------------------|--------------------------|------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
| Stt                                                                                                           | Chuyên gia       | Số lượng | Thời gian thực hiện (Ngày) | Chi phí chuyên gia/ Ngày | Thành tiền       | Ghi chú                                                                               |
| A                                                                                                             | B                | 1        | 2                          | 3                        | 4=1*2*3          | 5                                                                                     |
| 1                                                                                                             | Tổ trưởng        | 1        | 5                          | 263.000                  | 1.315.000        | Kỹ sư trực tiếp theo Công bố 40/SXD-QLXD ngày 10/01/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai |
| 2                                                                                                             | Thành viên       | 1        | 5                          | 263.000                  | 1.315.000        | Kỹ sư trực tiếp theo Công bố 40/SXD-QLXD ngày 10/01/2022 của Sở Xây dựng tỉnh Gia Lai |
|                                                                                                               | <b>Tổng cộng</b> |          |                            |                          | <b>2.630.000</b> |                                                                                       |

| <b>BẢNG 2C</b><br><b>CHI TIẾT CHI PHÍ KHÁC</b> |                                                |             |            |           |                  |
|------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------|------------|-----------|------------------|
| Stt                                            | Khoản mục chi phí                              | Đơn vị tính | Khối lượng | Đơn giá   | Thành tiền       |
| 1                                              | Chi phí văn phòng phẩm, in ấn + chi phí đi lại | gói         | 1          | 1.000.000 | 1.000.000        |
|                                                | <b>Tổng cộng</b>                               |             |            |           | <b>1.000.000</b> |

